

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3395/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng
giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 01/7/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ 16 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025;

Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 10/12/2020 của Thành ủy Đà Nẵng về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Thông báo số 91-TB/TU ngày 09/4/2021 của Thành ủy Đà Nẵng về Kết luận Hội nghị Thành ủy lần thứ 3;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng tại Công văn số 445/XTĐT-PTDA ngày 14/9/2021 về việc lập Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Công văn số 510/XTĐT-PTDA ngày 21/10/2021 về giải trình ý kiến góp ý của các Thành viên Ủy ban.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Giao Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện của thành phố tổ chức triển khai Đề án đúng tiến độ đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện và thực tiễn phát sinh, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề cần bổ sung, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TVTU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND Tp;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND các quận, huyện;
- Công báo thành phố;
- VP UBND TP: P. KT;
- Lưu: VT, XTĐT.

12/11



Lê Trung Chinh



ĐỀ ÁN

Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thời gian qua, thu hút đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, vừa đóng góp tạo sự đột phá, vừa khơi dậy các nguồn lực khác để khai thác, tận dụng các tiềm năng, lợi thế vốn có của Đà Nẵng.

Tuy nhiên, tình hình thu hút đầu tư vào Đà Nẵng vẫn chưa đạt được như kỳ vọng và còn đạt thấp trong tương quan so sánh với các địa phương; những mặt hạn chế trong thu hút đầu tư có thể nhận thấy đó là tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ vào đăng ký đầu tư chiếm số lượng lớn, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực dịch vụ, thương mại, trong khi đó tỷ trọng đầu tư trong các ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn còn hạn chế; đầu tư trong nước chủ yếu tập trung vào lĩnh vực bất động sản, quy mô nền kinh tế nhỏ, tính bền vững, tính liên kết và tính lan toả rất hạn chế, nên dễ bị tổn thương khi có thiên tai và dịch bệnh.

Trong bối cảnh hiện nay, đứng trước cơ hội và thách thức, trước yêu cầu mới về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố theo định hướng Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Đà Nẵng hứa hẹn là địa điểm gia tăng mạnh về thu hút dòng vốn đầu tư mới và đặc biệt cần có sự chuẩn bị kỹ càng, có giải pháp đồng bộ, phù hợp để thu hút đầu tư có hiệu quả. Do vậy, việc xây dựng Đề án Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045..

2. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

3. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4. Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

5. Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.

6. Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.

7. Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

8. Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

9. Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững kinh tế tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

10. Quyết định số 393/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

11. Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

12. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30/10/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

13. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

14. Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 10/12/2020 của Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố.

15. Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ 16 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025.

16. Chương trình số 36-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Phát triển công nghiệp công nghệ cao, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo tầm quốc gia, là khu đô thị sáng tạo – khoa học – công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế có sức cạnh tranh cao”.

17. Chương trình số 37-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Tập trung đầu tư phát triển, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông phù hợp với xu hướng Cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh”.

18. Chương trình số 38-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; xây dựng Đà Nẵng thành điểm đến du lịch dịch vụ hàng đầu, tầm khu vực, thành phố sự kiện, trung tâm hội nghị quốc tế”.

19. Chương trình số 40-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát huy các động lực tăng trưởng mới; đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, ưu tiên những nhà đầu tư chiến lược, trọng điểm”.

20. Chương trình số 41-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Tập trung phát triển dịch vụ logistics, cảng biển đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước”.

21. Chương trình số 44-CTr/TU ngày 19/02/2020 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

22. Chương trình số 45-CTr/TU ngày 25/02/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Chuyên đề “Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn của thành phố”.

23. Chương trình số 46-CTr/TU ngày 25/02/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Chuyên đề “Phối hợp, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để xây dựng và triển khai một số cơ chế chính sách đặc thù, các dự án động lực, trọng điểm, tạo sự liên kết, lan tỏa phát triển trong khu vực, phát huy vai trò hạt nhân của Đà Nẵng trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung – Tây Nguyên”.

24. Chương trình số 49-CTr/TU ngày 26/5/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính

trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

25. Quyết định số 4621/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố về phê duyệt Đề án “Phát triển tổng thể Khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2030”.

26. Báo cáo số 25-BC/TU ngày 12/01/2021 của Thành ủy Đà Nẵng tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về đẩy mạnh thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020.

27. Căn cứ tình hình thực tế về thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2020.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá tình hình thu hút đầu tư trong giai đoạn 2016 – 2020; phân tích thế mạnh và cơ hội cũng như tồn tại và thách thức của thành phố; nghiên cứu các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của Trung ương, của Quốc hội, của Chính phủ đối với thành phố Đà Nẵng và của Thành ủy làm cơ sở đề ra quan điểm, mục tiêu, định hướng, kế hoạch, giải pháp thu hút đầu tư trong giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Yêu cầu

a) Đánh giá đúng về thực trạng hoạt động thu hút đầu tư giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đảm bảo thu hút đầu tư theo đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của thành phố Đà Nẵng cũng như xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài hậu chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid - 19.

c) Đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp cho hoạt động thu hút đầu tư trong giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Phần I

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

I. KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

1. Thu hút vốn đầu tư trong nước

Giai đoạn 2016 - 2020, thành phố Đà Nẵng thu hút được 163 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 76.130 tỷ đồng (trong đó, 53 dự án đầu tư nằm ngoài Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư 68.790 tỷ đồng và 110 dự án đầu tư

trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao với tổng vốn đầu tư 7.340 tỷ đồng¹). Dòng vốn đầu tư trong nước chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như bất động sản - du lịch, giáo dục, y tế... Tỷ lệ giải ngân vốn giai đoạn này chiếm tỷ trọng thấp, do nhiều khó khăn vướng mắc khi triển khai thực hiện dự án, chủ yếu liên quan đến các dự án đầu tư nằm ngoài Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp.

Lũy kế đến tháng 8/2021 toàn thành phố thu hút được 716 dự án với tổng vốn đầu tư là 149.072 tỷ đồng (trong đó, có trên địa bàn thành phố có 343 dự án đầu tư trong nước ngoài KCN với tổng vốn đầu tư 121.509 tỷ đồng và 373 dự án trong nước đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao với tổng vốn đầu tư 27.563 tỷ đồng)².

2. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài³

Giai đoạn 2016 - 2020, thành phố thu hút được 530 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới là 1.045,4 triệu USD (trong đó, các Khu công nghiệp và Khu công nghệ cao đã thu hút được 44 dự án với tổng vốn đầu tư 507,63 triệu USD và có 486 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đầu tư ngoài các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 537,77 triệu USD); 60 dự án tăng vốn với tổng vốn tăng thêm là 144,5 triệu USD; có 605 lượt góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế với tổng giá trị là 211,8 triệu USD⁴. Có thể thấy, giai đoạn 2016-2020, làn sóng đầu tư vào Việt Nam từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển rất mạnh. Các dự án cấp mới trong giai đoạn này tập trung chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao... theo đúng định hướng kêu gọi đầu tư của thành phố. Nhiều dự án sản xuất, kinh doanh có quy mô lớn đã hoàn thành và đi vào hoạt động, nhiều dự án mở rộng quy mô đầu tư, nâng công suất, tăng vốn đầu tư... góp phần cho tăng trưởng kinh tế của thành phố. Tỷ lệ vốn giải ngân ước đạt từ 51% đến 53%/tổng vốn đăng ký.

Lũy kế đến tháng 8/2021, toàn thành phố có 914 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.863 triệu USD (trong đó, có 784 dự án đầu tư ngoài các Khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung và Khu công nghệ cao với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.009 triệu USD và 130 dự án đầu tư trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung và Khu công nghệ cao với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 1.854 triệu USD), theo đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo có số vốn đăng ký đạt 1.862 triệu USD, chiếm tỷ lệ 48,02% tổng vốn đăng ký; bất động sản; bất động sản - du lịch vốn đăng ký gần 1.292,28 triệu USD, chiếm 33,45% tổng vốn đăng ký; còn lại một số lĩnh vực khác như giáo dục, y

¹ Theo số liệu tại Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND thành phố về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 - 2025.

² Nguồn số liệu: Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư

³ Xem Phụ lục I.

⁴ Theo số liệu tại Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND thành phố về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 - 2025.

tế, công nghệ thông tin (CNTT) và các dịch vụ khác⁵. Nhóm quốc gia có vốn đầu tư lớn nhất vào thành phố hiện nay lần lượt là Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Đóng góp của đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển kinh tế - xã hội

Các dự án đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 2016 - 2020, các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nước đóng góp bình quân 7,844% và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp bình quân 9,4% tốc độ tăng trưởng GRDP toàn nền kinh tế⁶. Tỷ trọng đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GRDP, đầu tư ngoài nhà nước chiếm bình quân 53,67%; đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm bình quân 11,6%⁷. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành, đầu tư ngoài nhà nước chiếm bình quân 55,4% và đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm bình quân 9,7%⁸.

b) Gia tăng nguồn vốn đầu tư phát triển⁹: Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016-2020 ước đạt 187,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7%/năm, năm 2020 ước đạt 37.696 tỷ đồng, gấp 1,1 lần so với năm 2016. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển chuyển dịch đúng hướng, đến năm 2020 vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước (dân cư, tư nhân) chiếm 54,2% và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 21,9% với tỷ trọng vốn đầu tư phát triển chiếm 34,2% GRDP thành phố.

c) Đóng góp vào ngân sách nhà nước¹⁰: Khu vực đầu tư ngoài nhà nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài có sự gia tăng liên tục mức đóng góp vào ngân sách qua các năm, bổ sung nguồn thu quan trọng cho thành phố. Giai đoạn 2016-2020, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 118.180 tỷ đồng. Trong đó, từ khu vực công thương nghiệp ngoài kinh tế quốc doanh chiếm 23.197 tỷ đồng (19,62%), khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp 21.921 tỷ đồng (18,54%).

d) Đóng góp tạo việc làm cho người lao động¹¹: Giai đoạn 2016-2019, ước tính các thành phần kinh tế trên địa bàn tạo việc làm cho hơn 1,238 triệu lao động. Riêng, doanh nghiệp ngoài nhà nước đã tạo ra hơn 91 vạn lao động, chiếm 73,5% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giải quyết hơn 19 vạn việc làm, chiếm 15,37%. Đặc biệt, khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn

⁵ Xem Phụ lục I.

⁶ Biểu 3, Phụ lục II.

⁷ Biểu 4, Phụ lục II.

⁸ Biểu 2, Phụ lục II.

⁹ Theo số liệu tại Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND thành phố về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 - 2025.

¹⁰ Biểu 6, Phụ lục II.

¹¹ Biểu 7, Phụ lục II.

nhân lực của thành phố. Năng suất lao động xã hội khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài cao hơn gấp 02 lần so với khu vực ngoài nhà nước¹². Điều này cho thấy các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần tích cực giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho lực lượng lao động địa phương.

đ) Đóng góp vào xuất khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 – 2020 ước tăng bình quân 3%/năm¹³. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn này đã đóng góp đáng kể trong tăng trưởng xuất khẩu của thành phố, tổng giá trị xuất khẩu khu vực chiếm bình quân 53,07%¹⁴ tổng giá trị xuất khẩu của toàn thành phố và cao hơn kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu. Trước đây, mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Đà Nẵng là thủy sản, giày dép và hàng may mặc, nay cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ hàng công nghiệp điện tử và các mặt hàng công nghệ cao đều do doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xuất khẩu.

e) Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực: nguồn vốn đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần làm gia tăng năng lực sản xuất kinh doanh của thành phố, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, đồng thời đã tạo ra một số ngành quan trọng để sản xuất các sản phẩm mới như: điện tử, mô-tơ điện, xe máy, phụ tùng ô tô... Đến năm 2020, cơ cấu các thành phần kinh tế chuyển dịch theo định hướng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; các loại hình doanh nghiệp tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Đến năm 2020, tỷ trọng kinh tế ngoài nhà nước đạt 55,9%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9,9%¹⁵.

g) Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố: các dự án đầu tư được thu hút có công nghệ tiên tiến; mô hình quản trị và phương thức kinh doanh cũng được cải tiến, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin; thúc đẩy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố, góp phần hình thành và phát triển 04 nhóm lao động tương ứng với mức độ chuyên môn của công việc hay kỹ năng lao động cần thiết: công nhân sản xuất; cán bộ quản lý; kỹ thuật, thợ chuyên môn lành nghề và cán bộ hành chính với phong cách làm việc chuyên nghiệp, giỏi ngoại ngữ, nắm bắt được quy trình kỹ thuật, có kinh nghiệm quản lý.

h) Thúc đẩy hội nhập quốc tế và phát triển thương hiệu thành phố, thiết lập quan hệ hợp tác phát triển trên nhiều lĩnh vực đối với các địa phương, thành phố khác: việc

¹² Biểu 9, Phụ lục II.

¹³ Theo số liệu tại Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND thành phố về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 – 2025.

¹⁴ Biểu 10, Phụ lục II.

¹⁵ Theo số liệu tại Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND thành phố về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 – 2025.

đầu tư của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã thúc đẩy xây dựng thương hiệu đi kèm đến đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thông qua các doanh nghiệp đã tạo lập được quan hệ hợp tác kinh tế với nhiều địa phương, tập đoàn kinh tế và kéo theo thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực khác như văn hoá, giáo dục, y tế... Từ 2016 đến nay, thành phố đã ký kết hợp tác với 17 địa phương thuộc các thị trường tiềm năng; tiếp hơn 430 lượt nhà đầu tư trong và ngoài nước, ký kết biên bản ghi nhớ với 12 tập đoàn, công ty trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ công tác quảng bá, kết nối đầu tư.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Đầu tư trong nước tập trung chủ yếu vào các dự án bất động sản, dịch vụ về khách sạn, nghỉ dưỡng trong khi thu hút vào Khu công nghiệp và Khu công nghệ cao chiếm tỷ trọng rất thấp chỉ khoảng 9,64%.

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các doanh nghiệp lớn còn hạn chế. Dự án có vốn đăng ký dưới 05 triệu USD chiếm tỷ trọng cao (chiếm 96,04%)¹⁶. Quy mô ngành sản xuất và ngành dịch vụ có vốn đăng ký rất nhỏ (*tỷ suất đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ lần lượt là 12,5 triệu USD/dự án và 0,65 triệu USD/dự án*)¹⁷.

- Các nhà đầu tư muốn tiếp cận các quỹ đất lớn để thực hiện các dự án có quy mô nhưng còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc do thành phố đang triển khai tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai trong quá trình thực hiện các kết luận thanh tra, điều tra.

- Việc chuyển vốn đăng ký sang vốn thực hiện của một số dự án còn chậm so với tiến độ cam kết, nhất là trong lĩnh vực bất động sản - du lịch, dẫn đến tỷ lệ vốn thực hiện thấp, chỉ trên 50%. Một số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài hoạt động kém hiệu quả, có sai phạm trong kê khai và nộp thuế, nợ lương và bảo hiểm xã hội.

- Tác động liên kết và lan toả của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đến khu vực trong nước chưa cao. Hầu hết, các dự án chế biến chế tạo có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện chủ yếu công đoạn gia công, lắp ráp, mà ít có doanh nghiệp thực hiện sản xuất, chế tạo sản phẩm mới nên ít sử dụng lao động có kỹ năng dẫn đến tính lan toả trong nâng cao năng suất lao động chưa phát triển. Việc chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố chủ yếu được thực hiện theo chiều ngang thông qua hình thức góp vốn và mua sắm máy móc, thiết bị đi kèm đào tạo về quản lý và vận hành của đối tác nước ngoài.

- Thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ kém hiệu quả¹⁸ và chưa xác định được ngành công nghiệp hỗ trợ chủ đạo.

¹⁶ Xem Biểu b, Mục 2 Phụ lục I.

¹⁷ Xem Biểu a, Mục 2, Phụ lục I.

¹⁸ Theo Báo cáo chuyên đề Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cho thấy, đến nay trên địa bàn thành phố có khoảng 110 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chiếm khoảng 6,3% tổng số doanh nghiệp công nghiệp toàn thành phố; trong đó, có 29 doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài, chiếm khoảng ¼ số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp trong nước tập trung nhiều ở lĩnh vực

b) Nguyên nhân

- Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư có quy mô lớn còn thiếu và chưa đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện đầu tư quy mô lớn. Quy hoạch phát triển đô thị chưa kết nối với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển ngành dẫn đến quỹ đất hiện có của thành phố chưa đáp ứng được nhu cầu kêu gọi đầu tư, phát triển các dự án có quy mô lớn có khả năng tác động lan toả đến phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

- Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

+ Tính kết nối giữa giao thông đường bộ và giao thông đường thủy là một trong những điểm yếu của thành phố, tạo nên hiện trạng chia cắt trong giao thông nội bộ¹⁹. Các tuyến giao thông quốc gia, kết nối giao thông giữa các tỉnh lân cận chưa được đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ (Quốc lộ 14B, 14G, 14D) ... nên ảnh hưởng đến kết nối phát triển khu vực.

+ Tiến độ xây dựng các dự án trọng điểm như Cảng Liên Chiểu, Di dời ga đường sắt ra khỏi trung tâm thành phố, khu đô thị đại học ... còn chậm do phụ thuộc nhiều vào bố trí nguồn vốn từ Trung ương.

+ Cơ sở hạ tầng, giao thông nội bộ, cảnh quan trong các Khu công nghiệp đầu tư thiếu đồng bộ, khoảng cách ly với khu dân cư chưa phù hợp. Quy hoạch Khu công nghiệp điều chỉnh nhiều lần, diện tích Khu công nghiệp bị thu hẹp, ngay cả những phần đất đã đầu tư hạ tầng. Nhà xưởng cho thuê trong các Khu công nghiệp còn thiếu, chất lượng nhà xưởng cho thuê và môi trường cảnh quan chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư.

+ Việc triển khai đầu tư xây dựng các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp chậm tiến độ, chưa sẵn sàng cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất.

+ Không gian phát triển công nghệ thông tin chưa đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển của các doanh nghiệp phần mềm và nội dung số; cơ sở hạ tầng đảm bảo chất lượng vẫn còn thiếu.

- Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu

+ Thiếu lao động lành nghề, kể cả công nhân kỹ thuật, nhân sự quản lý điều hành, chuyên gia cấp cao để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

cơ khí chế tạo máy, chiếm gần ½ tổng số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn. Công nghiệp hỗ trợ ngành công nghiệp công nghệ cao hiện nay chỉ mới thu hút được 4 doanh nghiệp đầu tư sản xuất.

¹⁹ Các doanh nghiệp sản xuất trong các Khu công nghiệp khi vận chuyển hàng hóa ra Cảng Đà Nẵng phải di chuyển bằng đường nội đô làm tăng thời gian và chi phí vận chuyển hàng hóa.

+ Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động lành nghề bậc sơ và trung cấp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao như cơ điện tử, tự động hóa, cơ khí chính xác mà thành phố tập trung ưu tiên thu hút đầu tư.

+ Nguy cơ cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp trong tuyển dụng lao động tăng cao. Đặc biệt, trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các doanh nghiệp đang phải cạnh tranh gay gắt để tuyển dụng lao động vừa có trình độ chuyên môn vừa đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của thành phố chưa thực sự tạo được niềm tin đối với nhà đầu tư.

+ Tình trạng cán bộ, công chức của thành phố còn máy móc, không nhất quán trong việc hướng dẫn các thủ tục đầu tư khiến cho doanh nghiệp/nhà đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần còn khá phổ biến, gây phiền hà và kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư còn chồng chéo và chưa thống nhất nên gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. Đồng thời, việc đón và làm việc với nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra của Trung ương về các vụ việc phức tạp, kéo dài từ các nhiệm kỳ trước đã tác động nhiều đến tâm lý của một bộ phận cán bộ, làm giảm sự năng động, sáng tạo và gia tăng thái độ e ngại, dè chừng trong công tác tham mưu.

- Hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao

+ Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các dự án đã được các sở, ngành triển khai nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa đạt được kết quả mong muốn. Công tác phối hợp, rà soát, kiểm tra các dự án chưa được triển khai triệt để.

+ Việc quản lý thuế chưa chặt chẽ, cơ quan Thuế chưa có đầy đủ thông tin để kiểm tra, kiểm soát và hỗ trợ kê khai thuế đúng pháp luật. Chưa có giải pháp triệt để để xử lý các doanh nghiệp nước ngoài nợ bảo hiểm kéo dài.

+ Công tác giải quyết khó khăn cho nhà đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế do việc phối hợp ở các sở, ngành còn e ngại, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch; các phản hồi chưa trọng tâm, chưa xử lý hiệu quả các vấn đề của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Sự liên kết giữa doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài với doanh nghiệp trong nước còn yếu: Tiềm lực tài chính, công nghệ của các doanh nghiệp địa phương còn hạn chế; năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; số lượng doanh nghiệp của thành phố tham gia vào chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài rất ít.

Phần II
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. BỐI CẢNH VÀ TIỀM NĂNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Bối cảnh

Trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung kể từ năm 2018 và đại dịch Covid - 19 bùng phát đã khiến cho dòng vốn đầu tư trở nên biến động mạnh mẽ, xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước tăng làm giảm dòng vốn đầu tư ra nước ngoài trên thế giới. Theo Báo cáo Theo dõi xu hướng đầu tư của Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) vào tháng 10/2020 cho thấy nửa đầu năm 2020, tình hình đầu tư nước ngoài toàn cầu đã giảm 49%, nhiều hơn 19% so với dự báo trước đó của UNCTAD vào tháng 3/2020. Sự sụt giảm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thể hiện thông qua tất cả các loại hình đầu tư trực tiếp nước ngoài: đầu tư mới giảm 37%, M&A giảm 15% và các dự án thỏa thuận đầu tư tài chính xuyên quốc gia giảm 25%. Đồng thời, các tập đoàn quốc tế đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa địa điểm đầu tư và tái định vị các cơ sở sản xuất. Một số lĩnh vực chịu tác động nghiêm trọng từ sự sụt giảm đầu tư gồm sản xuất than và dầu mỏ, công nghiệp khai khoáng, xây dựng, thiết bị motor và thiết bị vận tải khác...; riêng lĩnh vực hóa chất và năng lượng tăng²⁰.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đã có gần 300 doanh nghiệp từ các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới có kế hoạch mở rộng đầu tư/ đầu tư mới hoặc đang nghiên cứu, tìm hiểu đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, hơn 60 tập đoàn, doanh nghiệp đã có kết quả bước đầu trong triển khai đầu tư mới/mở rộng đầu tư tại Việt Nam. Trong thực tế, các nhà đầu tư lớn đã liên tiếp mở rộng và triển khai các dự án mới tại Việt Nam trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, công nghệ cao (như Samsung, Apple...); thiết bị điện tử và phụ kiện (Panasonic...); logistics, thương mại điện tử (Alibaba...); hàng tiêu dùng, bán lẻ (Zara, H&M) ...

Với định hướng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa – thể thao, giáo dục – đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học – công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các

²⁰ Sản xuất giảm mạnh nhất (49%) đặc biệt ngành Sản xuất than và dầu mỏ (89%); Công nghiệp khai khoáng giảm 33%; Dịch vụ giảm 25%; công nghệ thông tin giảm 01%; Thiết bị máy tính, thiết bị công nghệ điện tử giảm 23%; Xây dựng giảm 47%; Thiết bị motor và thiết bị vận tải khác giảm 57%; Giao thông và kho bãi giảm 46%; Hoạt động tài chính và bảo hiểm giảm 04%; Thương mại giảm 1%; Nhà ở và dịch vụ ăn uống giảm 66%. Riêng lĩnh vực hóa chất và năng lượng tăng lần lượt 05% và 01%.

sự kiện tâm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung – Tây Nguyên, Đà Nẵng tiếp tục sẽ là điểm đến đầu tư an toàn và hiệu quả trong 10 năm tới.

Triển khai định hướng nêu trên, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXII Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định cần thu hút đầu tư có chọn lọc ưu tiên thúc đẩy, hỗ trợ các tập đoàn lớn, uy tín trong và ngoài nước triển khai các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin; hỗ trợ hình thành chuỗi cửa hàng miễn thuế, điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, trung tâm mua sắm, trung tâm thương mại, siêu thị lớn có thương hiệu quốc tế và hình thành trung tâm tài chính tâm cỡ khu vực tại Đà Nẵng.

2. Tiềm năng

Định vị lại vị thế của Đà Nẵng dưới góc độ là địa điểm đầu tư thông qua xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) là việc cần thiết. Cùng với việc nghiên cứu xu hướng dòng chảy vốn đầu tư trong và ngoài nước, việc phân tích SWOT là cơ sở quan trọng đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư vào Đà Nẵng trong 10 năm tới.

ĐIỂM MẠNH	CƠ HỘI
<ul style="list-style-type: none"> - Là Trung tâm kết nối, hạt nhân thúc đẩy tăng trưởng của khu vực miền Trung – Tây Nguyên, có quy mô nền kinh tế lớn nhất Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có tốc độ tăng trưởng và quy mô GRDP/đầu người thuộc nhóm cao nhất cả nước, đứng thứ 08/63 tỉnh, thành về mật độ kinh tế, đứng 09/63 về nguồn thu ngân sách. - Vị trí địa lý chiến lược, dễ dàng tiếp cận với các thị trường trong khu vực và trên thế giới; Có khoảng cách trong vòng 03 giờ bay với các nền kinh tế năng động như Bangkok, Malaysia, Singapore, Manila, Đài Loan, Quảng Châu và Hồng Kông. - Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển được đầu tư đồng bộ về đường biển, đường bộ và đường hàng không, tạo thuận lợi cho việc phát triển các hoạt động kinh tế, đầu tư, du lịch; Trong điều kiện bình thường, Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng hoạt động với gần 500 chuyến bay quốc tế mỗi 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đầu tư kinh doanh Việt Nam đã có những cải thiện mạnh mẽ và được đánh giá cao. Tạp chí US News & World Report xếp Việt Nam đứng thứ 08 trong số 20 nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư năm 2019, tăng 15 bậc so với năm 2018. Theo Ngân hàng thế giới (10/2019), chỉ số Môi trường kinh doanh thuận lợi Việt Nam năm 2019-2020 xếp 70/190 quốc gia. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới (10/2019), Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI 4.0) của Việt Nam năm 2019 đứng thứ 67/141 quốc gia (tăng 10 bậc so với năm 2018). - Các hiệp định thương mại song phương và đa phương đặc biệt là CPTPP, EVFTA, RCEP mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường quan trọng. Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng có cơ hội được chọn làm địa

tuần được khai thác với 25 hãng hàng không, kết nối với 35 thành phố của 09 quốc gia và vùng lãnh thổ; lượng khách quốc tế qua Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng gia tăng với tốc độ nhanh nhất trong khu vực. Dự kiến đến năm 2030, sân bay quốc tế Đà Nẵng sẽ được mở rộng với công suất đạt khoảng 30 triệu lượt khách/năm.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi với việc áp dụng mô hình “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính thành phố cũng như sự đồng hành của Chính quyền thành phố nhằm giải quyết các vướng mắc trong quá trình đầu tư, kinh doanh tại Đà Nẵng. Từ năm 2008 đến nay, Đà Nẵng luôn được bình chọn thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông (Vietnam ICT Index)

- Môi trường sống lý tưởng; mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn thấp; giao thông thuận tiện; di chuyển đến sân bay, trung tâm thành phố, khu tắm biển chỉ mất 15 phút; chi phí sinh hoạt tương đối thấp và thị trường nhà ở đa dạng với chi phí hợp lý. Với sự phát triển của các dự án vui chơi – giải trí, trung tâm thương mại, trường quốc tế, bệnh viện quốc tế đã và đang đáp ứng tốt nhu cầu nâng cao chất lượng sống cho người dân, nhà đầu tư đang sinh sống và làm việc tại Đà Nẵng.

- Cơ cấu dân số trẻ, hệ thống giáo dục và đào tạo hoàn chỉnh; nguồn nhân lực được đào tạo tốt và có cam kết cao; hệ thống giáo dục – đào tạo đại học, cao đẳng cũng

điểm đầu tư sản xuất hàng hóa để xuất khẩu sang nước thứ ba.

- Với việc kiểm soát thành công dịch Covid-19, Việt Nam đang được cộng đồng thế giới đánh giá rất cao và trở thành một điểm đến đầu tư an toàn và hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

- Luật Đầu tư sửa đổi đã bổ sung các quy định theo hướng rõ ràng, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp, bổ sung quy định ưu đãi đặc biệt để đón dòng chuyển dịch đầu tư đối với các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, đem lại giá trị gia tăng cao, có sự liên kết mạnh mẽ với các doanh nghiệp trong nước và có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

- Đà Nẵng đã và đang tạo được môi trường thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp 4.0 (hạ tầng công nghệ cao đang dần được hoàn thiện đồng bộ cùng với sự đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao).

- Vẫn còn tiềm năng quỹ đất lớn ở khu vực phía Tây thành phố.

như đào tạo nghề đạt tiêu chuẩn, đáp ứng cung cấp nguồn nhân lực cho cả khu vực miền Trung (12 trường Đại học, 22 trường Cao đẳng, 64 trường dạy nghề cung cấp cho thị trường lao động khoảng 64.821 sinh viên/năm, trong đó 29,6% có trình độ đại học, cao đẳng, 48,81% là công nhân kỹ thuật, 2,3% có trình độ trung học chuyên nghiệp).

- Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được ban hành kịp thời. 13 văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong giai đoạn 2016 – 2020 liên quan đến chính sách, cơ chế hỗ trợ đầu tư và sửa đổi bổ sung các cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thành phố như chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chính sách đặc thù đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng...

- Chính quyền thành phố luôn đồng hành cùng doanh nghiệp; Tích cực hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp giải quyết khó khăn, vướng mắc tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Việc ban hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng đã khắc phục hạn chế trong công tác chỉ đạo, điều hành và sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố thời gian qua, đồng thời góp phần thúc đẩy Đà Nẵng phát triển nhanh, bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các

<p>doanh nghiệp hoạt động, tạo động lực dẫn dắt phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng phát triển thành phố bền vững (Thành phố môi trường, Thành phố thông minh, Chính quyền điện tử...); cơ cấu ngành lĩnh vực ưu tiên phát triển bền vững, đúng xu thế. - Bước đầu đã hình thành được hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên cơ sở Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Ngày 09/12/2020, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 328/NQ-HĐND quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025. - Quy hoạch phát triển đô thị được xây dựng có tầm nhìn chiến lược và được phân kỳ đầu tư cụ thể. Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 359/QĐ-TTg là cơ sở quan trọng trong đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, là một trong những khâu quan trọng để định hướng cho phát triển và kêu gọi đầu tư, bảo đảm đầu tư có hiệu quả và phát triển bền vững. 	
<p style="text-align: center;">ĐIỂM YẾU</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ đất thu hút đầu tư hạn chế. Các KCN hiện có đã lấp đầy gần 90% trong khi các KCN mới chưa được hình thành; Quỹ đất lớn dành cho phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao ở khu vực đô thị không còn nhiều. 	<p style="text-align: center;">THÁCH THỨC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự cạnh tranh của các điểm đến đầu tư ở tầm quốc gia: các thị trường kinh tế đang phát triển (Ấn Độ, Indonesia...) vẫn đang có hành động tích cực nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài như: Xây dựng khu công nghiệp với diện tích lớn, đảm bảo nhu

- Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và hoạt động đầu tư chưa hấp dẫn và khả thi.

- Thiếu lao động lành nghề, kể cả công nhân kỹ thuật, nhân sự quản lý điều hành, chuyên gia cấp cao, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao.

- Doanh nghiệp địa phương hạn chế về trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh thấp dẫn đến sự liên kết giữa doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài với doanh nghiệp địa phương còn yếu.

- Hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ còn hạn chế, liên kết giữa nhà khoa học và doanh nghiệp còn rời rạc.

- Quy mô thị trường nhỏ, sức mua của thị trường không cao do thu nhập của người dân còn thấp.

- Dịch vụ tài chính ngân hàng chưa phát triển mạnh, quy mô nhỏ.

- Hệ thống logistics chưa phát triển đồng bộ. Cảng Đà Nẵng cung cấp dịch vụ với chi phí cao, thời gian thông quan còn chậm (so với 2 đầu Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh).

- Kinh phí xúc tiến đầu tư hạn chế.

cầu của nhà đầu tư; áp dụng giá cho thuê đất ưu đãi; áp dụng thuế suất ưu đãi...

- Dịch bệnh Covid – 19 trên thế giới diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các thị trường trọng điểm thu hút đầu tư, dòng vốn đầu tư nước ngoài giảm sút. Theo UNCTAD, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài toàn cầu ước giảm 30-40% giai đoạn 2020-2021 do gián đoạn chuỗi cung ứng, đặc biệt là trong các lĩnh vực hàng không, khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí, sản xuất và năng lượng.

- Đà Nẵng đặt mục tiêu trở thành trung tâm tài chính, trung tâm du thuyền quốc tế của khu vực, tuy nhiên hiện chưa có hành lang pháp lý liên quan đến các lĩnh vực này như quy định về đặc khu tài chính, sử dụng đồng tiền trong giao dịch phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định cấp phép cập/rời bến một lần trong suốt thời gian lưu hành của du thuyền tại Việt Nam...

- Ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam kém phát triển: Số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố còn ít, quy mô nhỏ. Doanh nghiệp trong nước có trình độ công nghệ ở mức trung bình, năng lực hấp thu công nghệ mới còn hạn chế; sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm công nghiệp hỗ trợ yếu, giá thành cao, chất lượng không ổn định. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực gia công, lắp ráp là chủ yếu; tuy có công nghệ tiên tiến hơn nhưng hầu như chỉ sản xuất sản

	<p>phẩm phục vụ cho nhu cầu nội bộ của công ty mẹ, hoặc xuất khẩu. Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ cao. Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, quy mô lớn còn ít. Chưa có công ty, tập đoàn đa quốc gia sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh thực hiện việc dẫn dắt, tạo tác động lan tỏa cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.</p> <p>- Tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến thu hút đầu tư phát triển ngành sản xuất và dịch vụ du lịch của thành phố.</p>
--	---

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Chương trình số 44-CTr/TU ngày 19/02/2020 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, UBND thành phố xác định quan điểm, mục tiêu và định hướng thu hút đầu tư giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

1. Quan điểm

a) Đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài là động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; đảm bảo thu hút đầu tư có hiệu quả, bền vững, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

b) Chủ động thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài, có chọn lọc, gắn thu hút đầu tư với đảm bảo quốc phòng - an ninh; gia tăng số lượng dự án có khả năng hình thành các chuỗi cung ứng mới và gắn kết với đầu tư trong nước nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển giao công nghệ và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

c) Xây dựng các giải pháp mang tính chiến lược nhằm đón đầu dòng vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài dịch chuyển do tác động từ dịch bệnh COVID – 19 và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

2. Mục tiêu

a) Thu hút vốn đầu tư đăng ký giai đoạn 2021 – 2025 đạt khoảng 03 tỷ USD; giai đoạn 2026 – 2030 đạt khoảng 04 tỷ USD.

b) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường, hướng đến công nghệ cao tăng 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 so với năm 2018.

c) Tỷ lệ nội địa hoá tăng lên mức 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

d) Tỷ trọng lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động đạt 75% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

3. Định hướng

a) Về ngành, lĩnh vực, ưu tiên thu hút đầu tư: Tập trung thu hút đầu tư và lựa chọn các dự án dịch chuyển thuộc các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất thiết bị y tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, du lịch chất lượng cao, dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, sinh thái; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là các ngành nghề mới trên nền tảng công nghiệp 4.0. Chú trọng thu hút đầu tư các dự án lớn sản xuất hàng xuất khẩu tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Không chấp thuận, tiếp nhận các dự án có sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn năng lượng, sử dụng lãng phí tài nguyên, không thân thiện với môi trường, thâm dụng lao động, đặc biệt các dự án ảnh hưởng đến quốc phòng – an ninh.

- Giai đoạn 2021 – 2025: tập trung thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất linh kiện điện tử, công nghệ cao (công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và cơ điện tử, công nghệ vật liệu mới...), R&D, công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực cơ khí, cơ khí chính xác, điện – điện tử, dịch vụ logistics, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch – bất động sản giá trị cao, dịch vụ tài chính (dịch vụ quản lý tài sản, quỹ đầu tư, các giao dịch tài chính Offshore), các công ty công nghệ tài chính (fintech), thể dục – thể thao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, sinh thái.

- Giai đoạn 2025 – 2030: tập trung thu hút đầu tư các dự án sản xuất dược phẩm và thiết bị y tế, công nghệ thông tin, R&D, dịch vụ tài chính (dịch vụ quản lý tài sản, quỹ đầu tư, các giao dịch tài chính Offshore), các công ty công nghệ tài chính (fintech), giáo dục – đào tạo, y tế chất lượng cao, du thuyền quốc tế, văn hóa, thể dục – thể thao.

b) Về thị trường và đối tác:

- Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài: đa phương hóa, đa dạng hóa thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các thị trường và đối tác tiềm năng. Coi trọng các thị trường, đối tác hiện tại như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hoa Kỳ, Đức, ... Khai thác có hiệu quả mối quan hệ với các đối tác chiến lược (đối tác toàn diện, đối tác chiến lược toàn diện), chú trọng vận động và thu hút đầu tư từ các tập đoàn lớn (thuộc Forbes 500) và doanh nghiệp tại các nước phát triển (G7, G8, OECD...).

- Đối với đầu tư trong nước: tập trung thu hút đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước; khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính và công nghệ từ người Việt-Nam ở nước ngoài trong các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, công nghệ cao, y tế, giáo dục – đào tạo...

Phần III

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đã ban hành

a) Kế hoạch số 4360/KH-UBND ngày 06/7/2020 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Chương trình số 44-CTr/TU ngày 19/02/2020 của Thành ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

b) Kế hoạch số 2812/KH-UBND ngày 29/4/2020 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình số 36-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Phát triển công nghiệp công nghệ cao, xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo tầm quốc gia, là khu vực đô thị - sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế có sức cạnh tranh cao”.

c) Kế hoạch số 2581/KH-UBND ngày 20/4/2020 của UBND thành phố về việc thực hiện Chương trình số 41-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Tập trung phát triển dịch vụ logistics, cảng biển đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước”.

d) Kế hoạch số 2586/KH-UBND ngày 20/4/2020 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình số 37-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Tập trung đầu tư phát triển, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông phù hợp với xu hướng Cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh”.

đ) Kế hoạch số 2984/KH-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình số 38-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ chất

lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; xây dựng Đà Nẵng thành điểm đến du lịch dịch vụ hàng đầu, tầm khu vực, thành phố sự kiện, trung tâm hội nghị quốc tế”.

e) Kế hoạch số 2905/KH-UBND ngày 05/5/2020 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình số 40-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Chuyên đề “Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát huy các động lực tăng trưởng mới; đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, ưu tiên những nhà đầu tư chiến lược, trọng điểm”.

g) Kế hoạch số 2809/KH-UBND ngày 29/4/2020 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình số 45-CTr/TU ngày 25/02/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Chuyên đề “Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn của thành phố”.

h) Kế hoạch số 2906/KH-UBND ngày 05/5/2020 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình số 46-CTr/TU ngày 25/02/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Chuyên đề “Phối hợp, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để xây dựng và triển khai một số cơ chế chính sách đặc thù, các dự án động lực, trọng điểm, tạo sự liên kết, lan tỏa phát triển trong khu vực, phát huy vai trò hạt nhân của Đà Nẵng trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên”.

i) Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 21/01/2021 của UBND thành phố về việc thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố.

2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư

a) Nghiên cứu tham mưu, trình các cấp có thẩm quyền (Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ) điều chỉnh Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ quy định về một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng; cơ chế, chính sách đặc thù hình thành trung tâm tài chính; khu phi thuế quan; các trung tâm mua sắm, cửa hàng miễn thuế, điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng; trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm du thuyền quốc tế trên địa bàn thành phố.

b) Trên cơ sở Quy hoạch chung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tham mưu trình Chính phủ ban hành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch chung; phê duyệt Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết làm cơ sở xác định địa điểm các dự án cần kêu gọi đầu tư nhằm tạo động lực phát triển cho thành phố.

c) Sửa đổi Quy trình chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện ngoài các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phù hợp với Luật Đầu tư 2020.

d) Rà soát điều chỉnh, xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xã hội hóa (giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp) ... đã được ban hành đảm bảo tính khả thi trong việc áp dụng vào thực tiễn.

đ) Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 149/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

e) Xây dựng cơ chế khuyến khích để tăng sự liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước; tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hợp tác, chuyên giao công nghệ và đào tạo, nâng cao kỹ năng, trình độ cho lao động Việt Nam.

g) Đa dạng hoá và phát huy có hiệu quả mô hình hợp tác công - tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

3. Nhóm giải pháp về cơ sở hạ tầng, đô thị

a) Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng logistics phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành ga hàng hóa tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng.

- Thực hiện khơi thông vững quay tàu để nâng trọng tải tàu trên 20.000 DWT vào Cảng Tiên Sa, từ đó nâng công suất khai thác của Cảng Tiên Sa góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố trong thu hút đầu tư và chuẩn bị hạ tầng đón nhận dòng vốn chuyển dịch hậu Covid – 19.

- Ưu tiên xây dựng cảng cạn tại quận Cẩm Lệ, huyện Hòa Vang nhằm tổ chức vận chuyển container một cách hợp lý, tăng hiệu quả hoạt động dịch vụ logistics trên các hành lang vận tải, góp phần giảm ùn tắc giao thông tại cảng biển và khu vực nội đô.

b) Chuẩn bị sẵn sàng quỹ đất phát triển công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, công nghệ thông tin đón dòng vốn dịch chuyển.

- Tiếp tục rà soát và có giải pháp sử dụng quỹ đất đầu tư không hiệu quả, còn trống tại các Khu công nghiệp hiện có.

- Khẩn trương triển khai, đẩy nhanh tiến độ và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, phân đầu sớm hoàn thiện các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất thu hút nhà đầu tư đối với các công trình, hạng mục của Khu công nghệ cao; hoàn thành thủ tục để đưa vào vận hành, khai thác Khu công nghiệp hỗ trợ Khu công nghệ cao Đà Nẵng và các Cụm công nghiệp.

- Qui hoạch và kêu gọi đầu tư một khu dành riêng cho các nhà đầu tư Nhật Bản trong các Khu công nghiệp hiện có hoặc Khu công nghiệp mới.

- Đẩy mạnh thủ tục thành lập, lựa chọn nhà đầu tư và hoàn thiện hạ tầng đưa vào sử dụng các Khu công nghiệp Hòa Cẩm - giai đoạn 2, Hòa Nhơn, Hòa Ninh.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng dự án Khu công viên phần mềm số 02; đẩy nhanh tiến độ xúc tiến để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất dự án Không gian sáng tạo tại phường Hòa Xuân; tập trung giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để triển khai xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung Đà Nẵng (giai đoạn 2), dự án Khu công nghệ thông tin Danang Bay.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó tập trung đầu tư 03 vùng nông nghiệp công nghệ cao tại Hòa Khương - Hòa Phong, Hòa Phú, Hòa Khương đã được phê duyệt.

- Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, các thiết chế văn hoá - xã hội nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân làm việc trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao và Khu công nghệ thông tin tập trung.

- Thực hiện điều chỉnh ngành, nghề thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp theo hướng sinh thái, thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng dịch chuyển của dòng vốn đầu tư vào Việt Nam.

c) Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng về giao thông, nhà ga, sân bay, cảng biển theo quy hoạch đã được phê duyệt gắn liền với triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm theo Nghị quyết số 43-NQ/TW. Cụ thể: Hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư (phần cơ sở hạ tầng dùng chung) Dự án Xây dựng cảng Liên Chiểu (giai đoạn 1); hoàn thành công tác lựa chọn tư vấn để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Di dời ga đường sắt ra khỏi trung tâm thành phố (giai đoạn 1); phối hợp hoàn thành dự án Mở rộng sân đỗ máy bay về phía Bắc (giai đoạn 2); hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư nâng cấp nhà ga hành khách T1- Xây dựng nhà ga hàng hóa Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng; phối hợp với các bộ, ngành trung ương triển khai các dự án: Tuyến cao tốc La Sơn - Túy Loan (đoạn Hòa Liên - Túy Loan); Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14B (đoạn từ Túy Loan đến giáp Quảng Nam). Tiếp tục phối hợp đề xuất các bộ, ngành trung ương ưu tiên đầu tư, nâng cấp mở rộng tuyến Quốc lộ 14G, 14D; cải tạo, nâng cấp tuyến luồng hàng hải Đà Nẵng cho tàu trọng tải 50.000 DWT...

d) Hoàn thiện hệ thống cấp nước và cấp điện phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao. Giảm thiểu tối đa thời gian cắt nước và cắt điện trong năm và thực hiện báo trước cho doanh nghiệp tối thiểu 30 ngày.

4. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng Đề án Phát triển nguồn nhân lực thành phố đến năm 2030.

b) Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và nước ngoài đến làm việc tại thành phố.

c) Triển khai công tác dự báo nhu cầu lao động của thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đối với một số ngành, lĩnh vực thành phố đang kêu gọi đầu tư, đặc biệt là các ngành mũi nhọn và công nghệ cao theo từng giai đoạn.

d) Tiếp tục tổ chức các chương trình, hoạt động kết nối cung - cầu về nguồn nhân lực giữa các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo theo từng lĩnh vực, ưu tiên các ngành công nghệ thông tin, tự động hóa, cơ khí chính xác, du lịch trong đó bên cạnh đào tạo kỹ năng kỹ thuật cần chú trọng kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng quản lý chất lượng và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Nhân rộng mô hình hợp tác đào tạo giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp khi tuyển dụng lao động.

đ) Nâng cao chất lượng các phiên chợ việc làm để hỗ trợ các doanh nghiệp tuyển dụng lao động; làm tốt công tác hướng nghiệp tại các trường phổ thông trung học trên địa bàn thành phố.

5. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát đầu tư

a) Xây dựng các giải pháp để khắc phục tình trạng “vốn mòng”, chuyển giá, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng”; đảm bảo yếu tố về quốc phòng, an ninh trong thu hút đầu tư.

b) Đẩy mạnh phân công, phân cấp, ủy quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

c) Điều chỉnh cách thức thống kê đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng đánh giá hiệu quả thu hút đầu tư (*vốn thực hiện; số lượng việc làm tạo ra; tỷ lệ vốn đầu tư cho R&D, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; số lượng doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giá trị xuất khẩu được tạo ra, giá trị nhập khẩu được thay thế, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư, tỷ lệ doanh nghiệp mở rộng hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh*) thay vì thống kê theo số lượng dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký như hiện nay.

d) Tăng cường quản lý các dự án kinh doanh thua lỗ trong nhiều năm, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tình trạng “thua lỗ giả”. Phòng ngừa, giải quyết sớm, có hiệu quả các tranh chấp liên quan đến đầu tư nước ngoài.

đ) Thực hiện hỗn hợp hoạt động xúc tiến đầu tư với thương mại, du lịch, ngoại giao kinh tế đảm bảo tính thống nhất, linh hoạt và phù hợp; công khai, minh bạch hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thị trường; tăng cường phối hợp, liên kết giữa thành phố với các cơ quan Trung ương, giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội nghề nghiệp trong hoạt động xúc tiến đầu tư...

6. Nhóm giải pháp về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư

a) Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến đầu tư. Song song với việc tiếp tục xúc tiến và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các thị trường trọng điểm chủ

động tăng cường tiếp xúc cấp cao với các tập đoàn lớn (thuộc Forbes 500), doanh nghiệp tại các nước phát triển (G7, G8, OECD...), các hiệp hội doanh nghiệp, ngân hàng lớn của các quốc gia đang có chính sách chuyển dịch dòng vốn đầu tư để tập trung kêu gọi đầu tư vào thành phố.

b) Đẩy mạnh truyền thông Đà Nẵng là điểm đến đầu tư hấp dẫn thông qua các phương tiện truyền thông trong nước và quốc tế, các diễn đàn, hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến; tổ chức thường niên các sự kiện Tọa đàm mùa xuân/Diễn đàn đầu tư; kết hợp xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trong các sự kiện nhằm tận dụng tối đa nguồn lực đồng thời nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào thành phố.

c) Tiếp tục hỗ trợ hiệu quả các nhà đầu tư tại chỗ. Định kỳ, hằng năm tổ chức đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức như: đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo thành phố với cộng đồng doanh nghiệp theo nhóm ngành nghề, theo đối tác; đối thoại giữa lãnh đạo Sở, ngành với doanh nghiệp; đối thoại trực tuyến. Mở rộng phương thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của nhà đầu tư; xử lý dứt điểm, kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đã cấp phép để tái khởi động các dự án. Tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin cập nhật cho các doanh nghiệp liên quan đến các qui định pháp luật về đầu tư.

d) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đã được ký kết giữa thành phố Đà Nẵng với các đối tác trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

đ) Đối với các dự án trọng điểm thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố.

- Trên cơ sở quỹ đất sạch nằm ngoài các khu công nghiệp hiện có, tùy thuộc vào tính chất và quy mô dự án, triển khai lập chỉ tiêu quy hoạch của từng vị trí (mục đích sử dụng đất, mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất...) hoặc lập quy hoạch chi tiết 1/500, đồng thời, công khai thông tin này trên Công thông tin đất đai thành phố, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp cận đất đai, đề xuất nội dung dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

- Xây dựng kế hoạch xúc tiến dự án với các bước công việc chi tiết, thời hạn cụ thể và gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị có liên quan; ưu tiên triển khai song song các bước công việc như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, bảo lãnh năng lực tài chính, thẩm định nhu cầu sử dụng đất/chuyển mục đích sử dụng đất... nhằm rút ngắn thủ tục đầu tư.

- Đối với các dự án đề xuất đầu tư tại những khu vực chưa được giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở quy hoạch chung được duyệt, đẩy nhanh lập quy hoạch phân khu 1/2000 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để lập quy hoạch 1/2000 cho khu vực dự

án. Lập đề xuất dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư làm cơ sở để thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định.

7. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh cải cách hành chính

a) Triển khai có hiệu quả Hệ thống quản lý giám sát các dự án đầu tư, khẩn trương cập nhật các dự án đang xúc tiến vào Hệ thống này; đồng thời tích hợp vào Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng để thực hiện giám sát hoạt động xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan.

b) Xây dựng Bộ thủ tục hành chính ngoài Một cửa cho công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

c) Tiếp tục rà soát, rút ngắn quy trình thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu tư, tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện đạo đức công vụ.

d) Thiết lập đường dây nóng để các doanh nghiệp/nhà đầu tư phản ánh những trường hợp cán bộ, công chức gây những nhiễu, thiếu trách nhiệm trong quá trình xử lý hồ sơ dự án đầu tư.

đ) Xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, năng động, coi doanh nghiệp/nhà đầu tư là đối tượng để phục vụ; tăng cường trật tự kỷ cương trong quản lý hành chính; có cơ chế để khuyến khích sự năng động sáng tạo của cán bộ, đồng thời có những chế tài rõ ràng, xử lý điều chuyển đối với những cán bộ công chức trì trệ, những nhiễu.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan đầu mối triển khai các thủ tục đầu tư đối với các dự án thực hiện ngoài các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung. Chủ động, kịp thời báo cáo UBND thành phố tiến độ triển khai và các vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án.

- Phối hợp với Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư trong việc cung cấp kịp thời, cụ thể số liệu và thông tin phục vụ công tác xúc tiến đầu tư.

2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp

Là cơ quan đầu mối triển khai các thủ tục đầu tư đối với các dự án thực hiện trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Các sở, ban, ngành liên quan

- Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện trực tiếp chịu trách nhiệm về công tác thu hút đầu tư đối với các dự án có liên quan và hỗ trợ nhà đầu tư trước, trong và sau cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Tổ chức quán triệt, triển khai nội dung Đề án đến toàn thể đơn vị, nhất là người đứng đầu và cán bộ phụ trách để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thu hút đầu tư.

4. Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư

- Chủ trì tham mưu toàn bộ các hoạt động thu hút đầu tư từ khâu xúc tiến đầu tư, hỗ trợ trước, trong và sau khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Tham mưu, trình UBND thành phố kế hoạch triển khai Đề án; tổng hợp cho UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố về tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo về triển khai thực hiện Đề án.

- Làm cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu giúp UBND thành phố theo dõi, đôn đốc thực hiện Đề án, định kỳ hàng quý báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất UBND thành phố điều chỉnh, sửa đổi, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tình hình mới và điều kiện cụ thể của các đơn vị.

5. Ủy ban nhân dân các quận, huyện: phối hợp với Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư thực hiện có hiệu quả công tác thu hút đầu tư vào địa bàn của quận, huyện.

Phần V KINH PHÍ

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, các đơn vị, địa phương chủ động cân đối sử dụng từ nguồn dự toán được giao hằng năm và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định để thực hiện và tăng cường huy động kinh phí từ nguồn xã hội hóa, vận động tài trợ để giảm gánh nặng ngân sách./.



Phụ lục I

SỐ LIỆU THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

1. Thu hút đầu tư trong nước

Giai đoạn 2016 – 2020: 163 dự án với tổng vốn đăng ký 76.130 tỷ đồng

- Trong Khu công nghệ cao, các khu công nghiệp: 110 dự án, 7.340 tỷ đồng
- Ngoài Khu công nghệ cao, các khu công nghiệp: 53 dự án, 68.790 tỷ đồng

2. Thu hút đầu tư nước ngoài

a) Kết quả thu hút đầu tư

Thời gian Tiêu chí	Giai đoạn 2016 – 2020	Lũy kế đến tháng 8/2021
Số lượng dự án	530	914
Tổng vốn đăng ký (triệu USD)	1.045,4	3.863
Phân theo địa điểm đầu tư		
<i>Ngoài Khu công nghệ cao, các khu công nghiệp</i>		
Số lượng dự án	486	784
Vốn đăng ký (triệu USD)	537,77	2.009
<i>Trong Khu công nghệ cao, các khu công nghiệp</i>		
Số lượng dự án	44	130
Vốn đăng ký (triệu USD)	507,63	1.854
Phân theo lĩnh vực đầu tư		
<i>Lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>		
Số lượng dự án	52	168
Vốn đăng ký (triệu USD)	652,36	1.862
<i>Lĩnh vực Bất động sản</i>		
Số lượng dự án	01	18
Vốn đăng ký (triệu USD)	12,6	724,28
<i>Lĩnh vực Du lịch, bất động sản</i>		
Số lượng dự án	03	05
Vốn đăng ký (triệu USD)	160,28	568
<i>Lĩnh vực Công nghệ thông tin</i>		
Số lượng dự án	33	47
Vốn đăng ký (triệu USD)	5,1	7,9
<i>Lĩnh vực Dịch vụ</i>		
Số lượng dự án	406	631
Vốn đăng ký (triệu USD)	263,42	639
Các lĩnh vực khác		
Số lượng dự án	35	45
Vốn đăng ký (triệu USD)	6,6	61,82

b) Quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (2016 – 2020)

Hạn mức đầu tư ĐVT: triệu USD	Số dự án	Lĩnh vực					
		Công nghiệp chế biến, chế tạo	Bất động sản	Du lịch, bất động sản	Dịch vụ	CNTT	Khác
Trên 100	03	02	-	01	-	-	-
Từ 50 - 100	03	02	-	-	01	-	-
Từ 10 - 50	09	05	01	02	01	-	-
Từ 05 - 10	06	10	-	-	0	-	-
Từ 01 - 05	27	08	-	-	15	02	03
Dưới 01	482	24	-	-	389	31	32
Tổng	530	52	01	03	406	33	35

c) Đầu tư theo đối tác (nhóm 05 quốc gia, vùng lãnh thổ có vốn đầu tư lớn nhất vào thành phố) (2016 -2020)

Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Tiêu chí	Lĩnh vực						
		Tổng	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Bất động sản	Du lịch, bất động sản	Công nghệ thông tin	Dịch vụ	Khác
Nhật Bản	Số dự án	121	18	-	01	11	84	06
	Vốn đăng ký đầu tư (triệu USD)	462,37	263	-	103,07	1,7	92,2	2,4
Singapore	Số dự án	12	02	-	-	01	09	-
	Vốn đăng ký đầu tư (triệu USD)	200,42	170,001	-	-	0,006	30,413	-
Hàn Quốc	Số dự án	180	13	-	-	03	158	06
	Vốn đăng ký đầu tư (triệu USD)	134,34	105,34	-	-	0,13	28,07	0,82
Hoa Kỳ	Số dự án	32	04	-	-	04	23	01
	Vốn đăng ký đầu tư (triệu USD)	73,59	71,29	-	-	0,275	2,004	0,021
BVI	Số dự án	06	-	-	02	-	02	02
	Vốn đăng ký đầu tư (triệu USD)	57,29	-	-	56,94	-	0,183	0,167

Nguồn: Số liệu phân tích dựa trên Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND thành phố về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2021 – 2025 và cung cấp của Sở Kế hoạch và Đầu tư đến 15/8/2021.



Phụ lục II

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP, DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NHÀ NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Biểu 1. Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành

(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: tỷ đồng)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng số	80.457	89.989	101.405	111.187	103.234
Nhà nước	19.518	21.847	23.670	26.476	24.641
Ngoài Nhà nước	44.615	49.380	56.197	61.404	57.786
ĐTNN	7.616	8.490	10.070	13.586	12.751
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8.708	10.272	11.468	12.513	10.554

Biểu 2. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành

(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: %)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Nhà nước	24,26	14,28	23,34	23,81	23,87
Ngoài Nhà nước	55,45	54,88	55,42	55,23	55,98
ĐTNN	9,47	9,43	9,93	9,71	9,93
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	10,82	11,41	11,31	11,25	10,22

Biểu 3. Tốc độ tăng trưởng GRDP

(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)

(ĐVT: %)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng số	8,56	7,06	8,17	7,04	7,99
Nhà nước	4,05	5,49	4,04	9,87	7,11
Ngoài Nhà nước	9,38	6,65	9,30	6,75	7,14
ĐTNN	16,60	8,39	13,20	2,94	5,89
Thuế SP trừ trợ cấp SP	8,74	11,47	7,54	6,19	15,77

Biểu 4. Tỷ trọng đóng góp của các khu vực vào tốc độ tăng trưởng GRDP

(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)

(ĐVT: %)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng số	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Nhà nước	12,61	19,87	12,45	33,94	22,11
Ngoài Nhà nước	58,08	50,27	60,58	51,54	47,88
ĐTNN	17,97	11,83	16,28	4,40	7,48
Thuế SP trừ trợ cấp SP	11,34	18,05	10,67	10,12	22,53

Biểu 5. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: triệu đồng)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng số	33.879.742	37.324.194	38.615.743	39.261.731	34.659.576
Nhà nước	9.336.771	8.103.392	8.157.258	8.382.244	8.955.168
Ngoài Nhà nước	22.229.033	25.891.644	26.378.538	25.878.171	18.403.591
Vốn ĐTNN	2.313.938	3.329.158	4.079.947	5.001.316	7.300.817

Biểu 6. Đóng góp ngân sách(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: Tỷ đồng)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng	19.736	22.240	26.371	26.908	22.925
Từ kinh tế quốc doanh	1.527	1.454	1.370	1.674	1.487
Từ KV Công Thương nghiệp ngoài quốc doanh	3.371	4.781	4.907	6.091	4.047
ĐTNN (không kể thu từ dầu thô)	4.155	4.177	4.934	4.782	3.873

Ghi chú: Thu NSNN trên địa bàn trong bảng 4 gồm cả Thu NSTW và NSDP

Biểu 7. Tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12 hằng năm

(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: người)

Năm	2016	2017	2018	Sb.2019
Tổng số	320.249	314.863	296.035	307.295
Doanh nghiệp Nhà nước	44.855	42.270	26.418	24.097
DN 100% vốn nhà nước	18.089	14.737	14.447	13.330
DN hơn 50% vốn nhà nước	26.766	27.533	11.971	10.767
Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	225.492	220.812	225.919	238.155
Tư nhân	9.295	7.961	7.449	6.696
Công ty hợp danh	23	42	19	43
Công ty TNHH	124.375	123.293	119.625	131.722
Công ty cổ phần có vốn Nhà nước	11.331	10.759	8.523	7.897
Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước	80.468	78.757	90.303	91.797
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	49.902	51.781	43.698	45.043
DN 100% vốn nước ngoài	44.466	45.666	37.252	38.611
DN liên doanh với nước ngoài	5.436	6.115	6.446	6.432

Biểu 8. Chỉ số phát triển lao động xã hội phân theo loại hình kinh tế(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: %)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng số	101,67	102,54	100,36	102,03	91,16
Nhà nước	94,51	93,29	96,67	112,12	63,56
Ngoài Nhà nước	103,39	104,56	100,20	100,81	97,57
ĐTNN	103,01	104,25	111,10	93,52	88,70

Biểu 9. Năng suất lao động xã hội phân theo loại hình kinh tế(Nguồn: Thống kê thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: triệu đồng/người/năm)

Năm	2016	2017	2018	2019	Sb.2020
Tổng số	144,10	157,18	176,49	189,66	193,17
Nhà nước	196,88	236,23	264,75	264,11	386,73
Ngoài Nhà nước	105,52	111,69	126,85	137,49	132,61
ĐTNN	209,31	223,83	238,95	273,86	293,25

Biểu 10. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa

(Nguồn: Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng)
(ĐVT: triệu USD)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	06 tháng/ 2020
Tổng kim ngạch xuất khẩu	1.303,6	1.465,0	1.596,5	1.629,3	684,0
Khu vực ĐTNN	667,0	765,0	856,0	893,6	372,0
<i>Chiếm tỷ trọng (%)</i>	<i>51,2</i>	<i>52,2</i>	<i>53,6</i>	<i>54,8</i>	<i>54,4</i>
Tổng kim ngạch nhập khẩu	1.112,0	1.280,0	1.364,0	1.344,4	565,7
Khu vực ĐTNN	416,0	490,0	540,0	534,0	220,0
<i>Chiếm tỷ trọng (%)</i>	<i>37,4</i>	<i>38,3</i>	<i>39,6</i>	<i>39,7</i>	<i>38,9</i>